TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **202**/2024/DS - PT
Ngày: 21 - 6 - 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Võ Thanh Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/QĐ-PT ngày 08/5/2024 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Hồng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Trường G, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số G N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị Thùy H, sinh năm 1985 và ông Phan Anh T1, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Số G N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Kim T2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số H Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T trình bày:***

Bà Trịnh Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Bích N có mối quan hệ quen biết nên bà T có cho bà N vay 02 lần, cụ thể:

Vào ngày 27/10/2020, bà T cho bà N vay số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: Đến ngày 10/11/2020 trả; Mục đích vay để rút bìa đỏ tại ngân hàng, lãi suất trong hợp đồng không ghi nhưng thỏa thuận miệng là 1%/tháng, khi vay không thế chấp tài sản gì.

Đến tháng 11 năm 2020 (Bà T không nhớ rõ ngày nào): Bà N có mang lên cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/5/2019 để làm tin. Trong thời gian mà bà T cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, nếu bà N làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư thì bà T sẽ hỗ trợ. Tuy nhiên, không chuyển mục đích được nên bà T và bà N thống nhất là bà T giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để làm tin.

Vào ngày 20/12/2020, bà T cho bà N vay tiếp số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*); Thời hạn vay: đến ngày 20/01/2021 trả đủ; Mục đích vay để đáo hạn tại ngân hàng; Lãi suất trong hợp đồng không ghi nhưng thỏa thuận miệng là 1%/tháng, khi vay không thế chấp tài sản gì. Trong Giấy vay tiền, đề ngày 20/12/2020 có tên Hà Thị Thùy H là con gái bà N ký là người làm chứng.

Hết thời hạn vay bà N chưa trả cho bà T số tiền vay gốc và tiền lãi nào.

Hiện nay bà T đang giữ của bà Nguyễn Thị Bích N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/5/2019.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích N trả cho bà T số tiền 3.100.000.000 đồng nợ gốc. Bà T không yêu cầu tính lãi.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Bích N thừa nhận chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 27/10/2020 với số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) và Giấy vay tiền đề ngày 20/12/2020 với số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Bích N.

Bà Nguyễn Thị Bích N có vay tiền bà Trịnh Thị Hồng T 02 lần, cụ thể: Vào ngày 27/10/2020, bà Nguyễn Thị Bích N vay của bà Trịnh Thị Hồng T số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: Đến ngày 10/11/2020 trả đủ gốc; mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, bà T đang giữ bìa đỏ số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/5/2019.

Việc bà N viết giấy vay 1.100.000.000đ là do khoản vay ở Ngân hàng không rõ số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu, nhưng khi ra Ngân hàng thì Ngân hàng tính lãi là 43.000.000đ, nên bà T mới chuyển khoản cho ông Phan Anh T1 số tiền tổng cộng là 1.043.000.000đ. Thực tế, bà N chỉ nhận của bà T số tiền 1.043.000.000đ.

Ngày 19/12/2020, bà N và bà Hà Thị Thùy H (Con gái của bà N) vay của bà T số tiền 550.000.000đ để mua pin năng lượng mặt trời thì bà T đã chuyển tiền vào tài khoản của Hà Thị Thùy H, số tiền 550.000.000đ.

Vì cần thêm tiền để mua pin nên sáng ngày 20/12/2020, bà N và bà H gặp bà T để mượn thêm 400.000.000đ, khi hỏi mượn thêm bà T nói là viết giấy vay gộp lại tổng cộng 03 khoản vay (1.043.000.000 đồng + 550.000.000 đồng + 400.000.000 đồng thành 2.000.000.000 đồng) nên vào ngày 20/12/2020 các bên có lập giấy vay với số tiền là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*).

Bà T hẹn chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của bà H vào buổi chiều ngày 20/12/2020. Tuy nhiên, đến cuối ngày bà T có gọi cho bà N yêu cầu bà N viết giấy ủy quyền bìa đỏ nói trên cho bà T toàn quyền quyết định nhưng bà N không đồng ý.

Sau đó bà N nghe bà H nói là bà T không chuyển khoản vào tài khoản bà H số tiền 400.000.000đ như đã thỏa thuận.

Bà N xác định chỉ nợ bà T số tiền 1.043.000.000đ (*Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng*), bà N đồng ý trả số tiền này và tiền lãi là 126.000.000đ). Tổng cộng là 1.300.000.000đ.

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Thùy H, ông Phan Anh T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Trong quá trình làm ăn thì bà Nguyễn Thị Bích N và vợ chồng bà H, ông T1 cùng nhau làm ăn, nên vấn đề vay mượn cũng là bà N, bà H, ông T1 cùng nhau vay mượn và cùng trả. Nên việc vay bao nhiêu, trả bao nhiêu giữa mẹ bà H là bà Nguyễn Thị Bích N và bà Trịnh Thị Hồng T đều do bà H đứng ra nhận tiền, trả tiền.

Mặc dù có 02 giấy vay giữa bà Nguyễn Thị Bích N và bà Trịnh Thị Hồng T, tuy nhiên trên thực tế bà Nguyễn Thị Bích N chỉ nợ bà Trịnh Thị Hồng T tổng số tiền là 1.043.000.000 đồng (Chuyển khoản vào tài khoản của ông Phan Anh T1) và bà Nguyễn Thị Bích N chưa trả cho bà T số tiền này.

Giữa ba bên bà Trịnh Thị Hồng T - Bà Nguyễn Thị Bích N - Bà Hà Thị Thùy H và ông Phan Anh T1 không có việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ bằng văn bản. Tuy nhiên, món vay 1.043.000.000 đồng, bà T chuyển vào tài khoản cho ông Phan Anh T1 là món vay của vợ chồng bà H, ông T1 ở Ngân hàng T3 và tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N ủy quyền cho vợ chồng bà H, ông T1.

Đối với Giấy vay tiền ngày 20/12/2020 với số tiền 2.000.000.000đ *(Hai tỷ đồng*) đây là khoản vay mà bà Nguyễn Thị Bích N và bà Hà Thị Thùy H cùng đứng ra vay bà T.

Bà Hà Thị Thùy H, ông Phan Anh T1 thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T;

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải trả cho bà Trịnh Thị Hồng T số tiền vay gốc: 3.100.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Trịnh Thị Hồng T trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ

cấp ngày 28/5/2019 đứng tên bà Hà Thị Thùy H; Ngày 06/6/2019: Tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bích N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/3/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh tụng ở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Giấy vay tiền đề ngày 27/10/2020 bà N vay của bà T với số tiền 1.100.000.000đ *(Một tỷ một trăm triệu đồng)* và Giấy vay tiền đề ngày 20/12/2020 bà N vay của bà T với số tiền 2.000.000.000đ *(Hai tỷ đồng)*.

Bà N khởi kiện yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 3.100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, qua phần tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thị Hồng T số tiền 1.500.000.000 đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng)*. Bà N đã trả đủ số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà T theo biên bản thoả thuận ngày 11/6/2024.

- Bà Trịnh Thị Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/5/2019 đứng tên bà Hà Thị Thùy H; Ngày 06/6/2019: Tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bích N. Bà T đã trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đồng thời không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[2.2] Về án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự đã thỏa thuận được và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên cần sửa lại án phí theo hướng chỉ phải chịu ½ án phí, cụ thể. Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí là: [36.000.000 + (30% x 700.000.000)] : 2 = 28.500.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 319, 463, 466, 468, 470 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Bích N phải trả cho bà Trịnh Thị Hồng T tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Bà N đã trả đủ số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà T.

- Bà Trịnh Thị Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc số CO 918681 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/5/2019 đứng tên bà Hà Thị Thùy H; Ngày 06/6/2019, tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bích N (Bà T đã trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà N).

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng T được nhận lại số tiền 54.660.000đ (*Năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0021791 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 28.500.000 đồng *(Hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2023/0009731 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh